

Số: 42/QĐ-TKT

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Thống kê tỉnh Khánh Hòa**

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông báo số 119/TB-CTK ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Cục Thống kê về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thống kê tỉnh Khánh Hòa (chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo TKT;
- Trang thông tin điện tử (đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC.

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Lê Thị Trúc Phương

Đơn vị: Thống kê tỉnh Khánh Hòa
Chương: 018



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-TKT ngày 29/4/2026 của Trưởng Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	73.086	73.086	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	73.086	73.086	0	
1	Chi quản lý hành chính	73.054	73.054	0	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	26.704	26.704	0	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	46.350	46.350	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	31	31	0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	31	31	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				